

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẾN TRE**  
**THÁNG 01 NĂM 2023**

**I. SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP – THỦY SẢN**

**1. Nông nghiệp**

**a. Trồng trọt**

Cây lúa: Trong tháng, người dân trồng lúa trên địa bàn tỉnh tập trung thu hoạch vụ lúa mùa 2023, một số tự phát xuống giống và chăm sóc vụ lúa Đông xuân 2023. Cây lúa vụ mùa 2023, toàn tỉnh xuống giống được 5.160 ha, tăng 3,10% (tương ứng tăng 155 ha) so cùng kỳ năm trước, do đây là những diện tích tôm – lúa nên diện tích có tăng, giảm qua từng năm là do nhu cầu canh tác của người dân. Mùa vụ thuận lợi nên năng suất bình quân đạt 41,13 tạ/ha, năng suất tăng nhẹ so cùng kỳ. Tổng sản lượng thu được 21.223 tấn. Đối với vụ lúa đông xuân 2023, một số vùng người dân tự phát canh tác thêm vụ lúa đông xuân. Tổng diện tích lúa toàn tỉnh xuống giống được 1.342 ha, đạt 163,26% so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do thời tiết thuận lợi, nguồn nước tưới đầy đủ nên người dân tự phát xuống giống.

Cây rau các loại được người dân trên địa bàn tỉnh canh tác quay vòng quanh năm. Phần lớn diện tích rau của tỉnh Bến Tre chỉ được trồng tập trung và có giá trị cao ở các huyện: Ba Tri, Thạnh Phú và Bình Đại; số diện tích còn lại chỉ trồng nhỏ lẻ mang tính tự cung, tự cấp nhằm bổ sung bữa ăn cho hộ gia đình. Tổng diện tích toàn tỉnh đến nay là 410 ha, giảm 2,38% (tương ứng giảm 10 ha) so với cùng kỳ năm trước. Các loại rau có giá trị kinh tế, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng từng vùng được người dân canh tác thường xuyên như: rau muống, mướp đắng (khổ qua), dưa leo, cải các loại, củ đậu (củ sắn), dưa hấu và các loại rau cải ngắn ngày khác. Hiện tại, người trồng rau trên địa bàn tỉnh tiếp tục trồng mới, chăm sóc và thu hoạch rau các loại để cung cấp cho thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh. Thị trường rau các loại trong tháng rất sôi động do người dân tận dụng chăm sóc và thu hoạch rau các loại phục vụ Tết Nguyên đán sắp đến. Tổng sản lượng cây rau các loại toàn tỉnh trong tháng đạt 8.358 tấn, tăng 4,32% (tương ứng tăng 346 tấn) so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình trồng hoa kiểng phục vụ Tết Nguyên đán khá dồi dào với nhiều chủng loại phong phú. Toàn tỉnh có 523 ha hoa kiểng các loại được trồng tập trung ở hai huyện Chợ Lách và Mỏ Cày Bắc. Phần lớn các sản phẩm hoa kiểng trên địa bàn đều được các thương lái ở nhiều nơi đến đặt mua, một số nhà vườn bán lẻ cũng đang tích cực chuẩn bị để đi bán tại các chợ trong và ngoài tỉnh. Tuy nhiên, tình hình thời tiết những ngày qua xuất hiện mưa trái mùa làm khó khăn cho người trồng hoa kiểng (hoa nở sớm). Chủng loại hoa kiểng được sản xuất trên địa bàn vẫn chủ yếu là kiểng bonsai, mai vàng, tắc kiểng, bông giấy và một số loại hoa nở như: hoa treo, vạn thọ, cúc... Tổng sản lượng hoa kiểng các loại phục vụ thị trường năm nay toàn tỉnh được 14,5 triệu sản phẩm.

**Cây dứa:** Tổng diện tích dứa toàn tỉnh hiện nay là 78.019 ha, tăng 1,02% (tương ứng tăng 787 ha) so cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, diện tích dứa tăng so cùng kỳ nguyên nhân là do một số diện tích lúa không hiệu quả hoặc không còn phù hợp với vùng canh tác được người dân chuyển sang trồng dứa vì cây dứa dễ trồng và ít tốn công cũng như chi phí chăm sóc. Diện tích tăng chủ yếu là dứa xiêm xanh uống nước vì hiệu quả từ loại trái dứa này khá cao. Tổng diện tích dứa xiêm xanh uống nước toàn tỉnh hiện nay khoảng 15.865 ha, chiếm 20,33% trong tổng diện tích dứa của tỉnh. Tổng sản lượng dứa xiêm trong tháng ước tính được khoảng 12,8 triệu quả. Giá dứa khô hiện nay vẫn còn ở mức thấp và dao động từ 25.000 - 30.000 đồng/12 quả. Tổng sản lượng dứa toàn tỉnh trong năm thu được 55.846 tấn (tương đương 55.846 nghìn quả), giảm 1,90% (tương ứng giảm 1.084 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng giảm do một phần ảnh hưởng của sâu bệnh, giá bán thấp nên người dân ít đầu tư chăm sóc. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh, sâu đầu đen hại dứa phát sinh ngày càng tăng và mức độ nghiêm trọng hơn. Đến nay, tổng diện tích nhiễm sâu đầu đen là 854,22 ha, lũy kế 2.232,81 ha. Trong đó, lũy kế diện tích phục hồi sau khi thực hiện các biện pháp phòng trừ hóa học và sinh học là 1.284,64 ha.

**Cây ăn quả:** Nhà vườn đã mạnh dạn cải tạo vườn tạp, đốn bỏ những cây trồng kém hiệu quả để chuyển sang trồng những cây có hiệu quả kinh tế hơn. Quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng để phù hợp với điều kiện sản xuất, thổ nhưỡng và yếu tố thị trường đã diễn ra mạnh mẽ. Tổng diện tích cây ăn quả toàn tỉnh hiện có là 25.478 ha, giảm 2,62% (tương ứng giảm 686 ha) so cùng kỳ năm trước. Diện tích giảm chủ yếu là do chuyển từ vùng đất trồng chôm chôm, măng cụt, cam, quýt, chanh, bưởi, tắc... không hiệu quả sang trồng dứa, ươm cây giống lâu năm (ở huyện Chợ Lách, Giồng Trôm, Mỏ Cày Bắc); diện tích nhãn của xã Phú Thuận huyện

Bình Đại giảm do giải phóng mặt bằng xây dựng Khu công nghiệp... Bên cạnh đó, thị trường một số loại trái cây quen thuộc như: xoài, bưởi, quýt, nhãn... trong tháng báo cáo rất sôi động, phong phú và đa dạng vì để cung cấp cho dịp Tết cổ truyền sắp đến. Tổng sản lượng trái cây các loại ước tính trong tháng báo cáo toàn tỉnh được 24.326 tấn, tăng 2,16% (tương ứng tăng 514 tấn) so cùng kỳ năm trước, tăng chủ yếu ở nhóm cây: xoài, bưởi, sầu riêng, nhãn, chôm chôm...

### **b. Chăn nuôi**

Tình hình chăn nuôi bò trong tháng tương đối phát triển thuận lợi do giá cả đầu ra ổn định. Một thuận lợi khác, người chăn nuôi vừa sử dụng thức ăn xanh truyền thống, vừa bổ sung thêm thức ăn công nghiệp, kết hợp khâu lai tạo, tuyển chọn con giống chặt chẽ. Vì vậy, chất lượng đàn bò của tỉnh ngày càng được nâng cao, tăng trọng nhanh, rút ngắn thời gian nuôi, dần dần hình thành nên thương hiệu bò thịt. Ngoài ra, phân bò cũng được tận dụng bón cho cây trồng, làm giảm chi phí đầu vào đối với bò thịt. Tổng đàn bò toàn tỉnh ước khoảng 239.510 con, tăng 5,70% (tương ứng tăng 12.913 con) so với cùng kỳ. Ước tính sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng trong tháng đạt 2.850 tấn, tăng 2,15% (tương ứng tăng 60 tấn) so cùng kỳ. Nguyên nhân, là do giá cả đầu ra ổn định, vì vậy người chăn nuôi vẫn duy trì và phát triển tổng đàn. Đàn bò sữa của tỉnh ước khoảng 2.160 con, tăng 9,64% (tương ứng tăng 190 con) so với cùng kỳ. Nguyên nhân tăng cao là do ở huyện Ba Tri có thực hiện dự án phát triển đàn bò sữa và hiệu quả từ vật nuôi này ngày càng tăng. Tại thời điểm báo cáo giá thịt bò hơi khoảng 81.000 đồng/kg, giảm 2.000 đồng/kg so với tháng trước. Trong tháng, các bệnh thường xảy ra: Tiêu chảy, tụ huyết trùng được báo cáo rải rác ở một số huyện. So với cùng kỳ năm 2022, bệnh tụ huyết trùng tăng 112,20 %, bệnh tiêu chảy tăng 35,82%. Bệnh tập trung nhiều ở các huyện: Ba Tri, Mỏ Cà Bắ, Thạnh Phú.

Tình hình chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều bất lợi. Chi phí đầu vào tăng cao, hiện nay đang gần đến Tết Nguyên Đán nhưng giá bán sản phẩm đầu ra lại giảm nên đã gây áp lực lớn cho người chăn nuôi. Với mức giá hiện tại, người chăn nuôi xuất bán chỉ hòa vốn. Các hộ nuôi quy mô lớn ổn định sản xuất, các hộ nhỏ lẻ với chi phí đầu vào cao nên hạn chế tái đàn. Tổng đàn lợn toàn tỉnh ước khoảng 475.165 con, so cùng kỳ tăng 6,17% (tương ứng tăng 27.627 con). Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng trong tháng ước khoảng 8.410 tấn, tăng 2,19% (tương ứng tăng 180 tấn) so với cùng kỳ. Tại thời điểm báo cáo giá thịt lợn hơi khoảng 47.000 - 48.500 đồng/kg. Lợn giống 800.000 – 900.000 đồng/con (trọng lượng 8 -10kg).

Đến thời điểm báo cáo, tổng đàn gia cầm toàn tỉnh ước khoảng 8.658 ngàn con (không tính đàn chim cú, bồ câu), tăng 2,61% (tương ứng tăng 220 ngàn con) so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong tháng ước đạt 3.942 tấn, tăng 2,39% (tương ứng tăng 92 tấn) so với cùng kỳ. Đàn gia cầm tăng chủ yếu là đàn gà thả vườn, đàn vịt siêu thịt nuôi với qui mô lớn. Tổng đàn gà toàn tỉnh ước khoảng 6.980 ngàn con, so với cùng kỳ năm trước đàn gà tăng 2,66% (tương ứng tăng 181 ngàn con). Ước sản lượng thịt gà hơi xuất chuồng trong tháng đạt 2.460 tấn, tăng 2,07% (tương ứng tăng 50 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Tại thời điểm báo cáo giá gà thịt hơi khoảng 64.000 – 66.000 đồng/kg, giảm 2.000 đồng/kg so với tháng trước.

## **2. Lâm nghiệp**

Tình hình sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh trong tháng không có nhiều biến động so cùng kỳ năm trước. Diện tích rừng trồng mới trên địa bàn tỉnh không phát sinh. Công tác quản lý và chăm sóc rừng được quan tâm đúng mức. Tình hình khai thác các sản phẩm lâm nghiệp diễn ra thường xuyên do người dân tận dụng khai thác nhằm phục vụ nhu cầu trong việc xây cất, sửa chữa nhà ở, chuồng trại chăn nuôi,... Vì vậy, các sản phẩm như: lá dừa nước, tre, trúc, gỗ tạp các loại,... sản lượng được các hộ nông dân khai thác tương đối nhiều. Cụ thể: gỗ khai thác ước được 163 m<sup>3</sup>; củi khai thác được 1.495 ste. Sản lượng khai thác ít nguyên nhân do trong kỳ không có tia thưa củi rừng trồng và cây phân tán tự mọc ngày càng ít dần nên sản lượng khai thác giảm. Về công tác phòng chống cháy rừng, do đặc điểm tỉnh Bến Tre chỉ có diện tích rừng ngập mặn, khả năng cháy rất ít xảy ra. Tình hình thiệt hại rừng không có diễn biến phức tạp, cơ quan Kiểm lâm đã phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng và địa phương thường xuyên duy trì công tác kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các trường hợp chặt phá, lấn chiếm đất rừng. Trong tháng không phát sinh trường hợp chặt phá và lấn chiếm đất rừng.

## **3. Thủy sản**

### **a. Nuôi thủy sản**

*Nuôi tôm biển:* Diện tích thả nuôi tôm sú trong tháng báo cáo ước tính khoảng 9.520 ha, tăng 2,59% (tương ứng tăng 240 ha) so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng tôm sú thu hoạch trong tháng ước đạt 150 tấn, tăng 7,14% (tương ứng tăng 10 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do môi trường nuôi thuận lợi nên người nuôi mạnh dạn thả giống. Diện tích thả nuôi tôm thẻ chân trắng trong tháng báo cáo ước tính khoảng 600 ha, tăng 6,19% (tương ứng tăng 35 ha) so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng tôm thu hoạch trong tháng ước đạt 6.200 tấn, tăng

6,88% (tương ứng tăng 399 tấn) so cùng kỳ năm trước. Sản lượng tăng cao là do người dân áp dụng công nghệ mới hiệu quả, nâng cao năng suất nuôi trồng nhất là áp dụng mô hình nuôi tôm siêu thâm canh, thả tôm với mật độ cao nên năng suất ngày càng tăng. Diện tích thiệt hại trong tháng của tôm thẻ chân trắng là 59,43 ha.

*Nuôi cá tra thâm canh:* Trong tháng 01/2023, diện tích thả nuôi cá tra thâm canh là 29 ha, so với cùng kỳ năm trước tăng 3,57% (tương ứng tăng 1 ha). Diện tích nuôi tăng so với cùng kỳ là do thời tiết thuận lợi thích hợp cho việc thả giống. Sản lượng cá thu hoạch ước 9.810 tấn, tăng 4,14% (tương ứng tăng 390 tấn) so với cùng kỳ năm trước.

Diện tích thủy sản khác thả nuôi chủ yếu là diện tích nuôi nghêu, sò và hào. Sản lượng thu hoạch trong tháng ước đạt 1.550 tấn, so với cùng kỳ năm trước tăng 4,38% (tương ứng tăng 65 tấn).

### **b. Khai thác thủy sản**

Sản lượng khai thác thủy sản trong tháng ước đạt 19.489 tấn, giảm 3,82% (tương ứng tăng 773 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do trong tháng báo cáo đang là tháng tết, số ngày ra biển trong tháng không nhiều nên sản lượng khai thác biển thấp.

## **II. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

### **1. Sản xuất công nghiệp**

Tình hình sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong các tháng gần đây vẫn còn gặp khó khăn ở một số ngành như: chế biến các sản phẩm từ dừa; sản xuất các sản phẩm da; sản xuất xe có động cơ... (giá dừa giảm sâu, thiếu đơn đặt hàng, sức tiêu thụ trên thị trường chậm...). Bên cạnh, do tháng 01/2023 rơi vào dịp nghỉ Tết Nguyên Đán nên thời gian hoạt động, khối lượng sản phẩm sản xuất của các cơ sở không nhiều so với tháng trước và cùng kỳ năm trước. Chỉ số phát triển toàn ngành công nghiệp tháng 01/2023 giảm 5,4% so tháng trước và giảm 4,96% so cùng kỳ năm trước.

Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp khai khoáng giảm 1,72% so tháng trước và giảm 5,48% so cùng kỳ năm trước. Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 5,82% so tháng trước và giảm 5,11% so cùng kỳ năm trước. Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 1,61% so tháng trước và giảm 3,28% so cùng kỳ năm trước. Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,20% so tháng trước và giảm 0,82% so cùng kỳ năm trước.

Trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo, so với cùng kỳ một số ngành có chỉ số tăng giảm như sau: Công nghiệp khai khoáng khác giảm 5,48%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 9,70%; sản xuất đồ uống giảm 1,54%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 4,42%; sản xuất các sản phẩm dệt tăng 49,21%; sản xuất trang phục tăng 10,49%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 9,30%; chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa... giảm 8,75%; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy giảm 3,77%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 0,12%; sản xuất thuốc, hoá dược liệu tăng 6,45%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 1,71%; sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 13,46%; sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị) giảm 9,71%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 2,64%; sản xuất thiết bị điện tăng 0,14%; sản xuất xe có động cơ giảm 15,76%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 6,47%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế giảm 5,84%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 4,77%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị giảm 3,64%; sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước giảm 3,28%; khai thác, xử lý, cung cấp nước giảm 0,62%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu giảm 1,95% so cùng kỳ năm trước.

*Một số sản phẩm chủ yếu của tỉnh so cùng kỳ năm trước:* Cá phi lê tăng 0,58%; cơm dừa nạo sấy giảm 2,01%; thuốc lá có đầu lọc tăng 4,42%; bộ quần áo thể thao tăng 22,99%; túi xách giảm 2,25%; giày giảm 14,95%; giấy và bì khác tăng 0,68%; thùng hộp bằng bì cứng giảm 36,05%; bộ dây điện dùng cho xe hơi giảm 15,76%; điện thương phẩm tăng 0,60%; phân phối nước giảm 0,61% so cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sử dụng lao động (chỉ tính cho khu vực doanh nghiệp) giảm 0,31% so cùng kỳ năm trước. *Trong đó:* Doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,75%; doanh nghiệp ngoài quốc doanh giảm 2,72%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 0,20%. Hầu hết các doanh nghiệp (doanh nghiệp ngoài Nhà nước) gặp khó khăn trong việc thu hút lao động: Thiếu lao động phục vụ cho sản xuất, trình độ lao động còn hạn chế làm ảnh hưởng đến việc tuyển dụng lao động vào làm việc ở khu vực này....

Chỉ số sử dụng lao động (chỉ tính cho khu vực doanh nghiệp) tăng 4,52% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh nghiệp Nhà nước giảm 0,69%; doanh nghiệp ngoài quốc doanh giảm 5,88%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 8,23% so cùng kỳ năm trước. Hầu hết các doanh nghiệp (doanh nghiệp ngoài Nhà nước) gặp khó khăn do ảnh hưởng dịch COVID-19, các doanh nghiệp đang từng bước

hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại trong tình hình mới, nhưng số lượng lao động vẫn chưa trở lại làm việc 100% như trước đây.

## **2. Kết quả đăng ký doanh nghiệp**

Trong tháng tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 37 doanh nghiệp và 4 đơn vị trực thuộc với vốn đăng ký ban đầu 104,23 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước số lượng doanh nghiệp đăng ký mới giảm 14 doanh nghiệp, vốn đăng ký lại giảm mạnh 49,91% tổng vốn đăng ký của cùng kỳ năm trước. Đồng thời trong tháng, toàn tỉnh đã có 8 doanh nghiệp và 32 đơn vị trực thuộc làm thủ tục giải thể, so với cùng kỳ số doanh nghiệp giảm 10 doanh nghiệp, số đơn vị trực thuộc tăng 03 đơn vị. Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động là 100 doanh nghiệp, so cùng kỳ tăng 07 doanh nghiệp. Lũy kế đến ngày 15/01/2023 toàn tỉnh đã có 5.727 doanh nghiệp đã đăng ký với vốn đăng ký 66.178 tỷ đồng.

## **III. ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**

### **1. Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý**

Tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý dự tính thực hiện trong tháng là 274,211 tỷ đồng, tăng 18,52% so với cùng kỳ năm trước. Bao gồm: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh là 250,204 tỷ đồng, tăng 18,70% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn cân đối ngân sách tỉnh là 28,078 tỷ đồng; vốn ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu là 69,967 tỷ đồng; vốn ODA là 15,067 tỷ đồng; vốn xổ số kiến thiết là 136,657 tỷ đồng. Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện ước thực hiện đạt 23,296 tỷ đồng, tăng 17,43% so với cùng kỳ năm trước. Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã là 0,711 tỷ đồng, giảm 2,74% so với cùng kỳ năm trước.

### **2. Tình hình xúc tiến và hỗ trợ đầu tư**

Về đầu tư trong nước: Trong tháng 01/2023 chưa có dự án đầu tư được cấp giấy chứng nhận đầu tư mới. Cấp điều chỉnh bổ sung giấy chứng nhận đầu tư cho 02 dự án. Đồng thời cũng tiến hành thu hồi/chấm dứt 01 dự án: dự án Khu dân cư An Thủy của Công ty TNHH thương mại xây dựng Hiệp Hòa Phát (626 tỷ đồng). Lũy kế đến 15/01/2023, toàn tỉnh có 266 dự án đầu tư trong nước còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 61.032,2 tỷ đồng.

Về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Trong tháng 01/2023, không có dự án FDI mới được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Tuy nhiên trong tháng tỉnh đã cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư cho 04 dự án, trong đó không có dự án xin điều chỉnh

tăng vốn đầu tư. Lũy kế đến 15/01/2023, toàn tỉnh có 63 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 1.624,9 triệu USD.

## **IV. THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, GIÁ CẢ**

### **1. Tổng mức bán lẻ hàng hoá**

Tháng 01/2023 vào nhằm dịp tết Nguyên Đán Quý Mão nên hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ đã nhộn nhịp, các cơ sở sản xuất kinh doanh đã chuẩn bị nguồn hàng phong phú nhằm đáp ứng tốt nhu cầu vui Xuân, đón Tết của mọi gia đình. Các mặt hàng lương thực, thực phẩm và nhóm hàng hóa khác như hoa tươi, vật phẩm trang trí nhà cửa, sức mua tăng nhanh vào các ngày cận tết. Trong tháng, hầu hết các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh đều hoàn thành kế hoạch sản xuất cũng như dự trữ nguồn hàng phong phú, sẵn sàng phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán năm 2023.

Ước tính tháng 01/2023 tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 4.728,04 tỷ đồng, tăng 8,93% so cùng kỳ, cụ thể ước thực hiện từng nhóm hàng như sau: Nhóm lương thực thực phẩm đạt 2.193,11 tỷ đồng, tăng 13,92%; nhóm hàng may mặc đạt 168,63 tỷ đồng, giảm 1,23%; nhóm đồ dùng trang thiết bị gia đình đạt 324,89 tỷ đồng, tăng 5,73%; nhóm gỗ vật liệu xây dựng đạt 601,19 tỷ đồng, giảm 3,52%; nhóm phương tiện đi lại đạt 216,65 tỷ đồng, giảm 3,95%; nhóm xăng dầu các loại đạt 520,23 tỷ đồng, tăng 33,20%; nhóm đá quý, kim loại quý đạt 291,66 tỷ đồng, tăng 3,68%; nhóm hàng hóa khác đạt 158,25 tỷ đồng, giảm 4,07% so với cùng kỳ năm trước ...

### **2. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống**

Ước tính tháng 01/2023 doanh thu các hoạt động lưu trú, ăn uống đạt 503,44 tỷ đồng, giảm 1,51% so thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh thu lưu trú đạt 14,31 tỷ đồng; doanh thu ăn uống đạt 489,13 tỷ đồng. Tổng lượt khách do cơ sở lưu trú phục ước tính thực hiện tháng 01/2023 đạt 137.297 lượt, tăng 5,21% so thực hiện tháng 12/2022.

### **3. Hoạt động du lịch lữ hành**

Ước tháng 1/2023, doanh thu du lịch và lữ hành đạt 8,89 tỷ đồng, gấp 55,5 lần so với cùng kỳ. Tổng lượt khách du lịch theo tour ước thực hiện tháng 01/2023 đạt 63.849 lượt khách.

### **4. Giá cả**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01 năm 2023 biến động tăng so tháng trước, nguyên nhân chính là do trùng vào dịp tết Nguyên Đán nhu cầu tiêu dùng tăng cao,



hầu như các mặt hàng đều tăng giá so với tháng trước, trong tháng giá xăng dầu cũng được điều chỉnh tăng trở lại (chỉ số giá nhóm nhiên liệu xăng, dầu trong tháng tăng 1,82% so tháng trước). CPI tháng 01/2023 của tỉnh so với tháng trước tăng 0,48%, trong đó: khu vực thành thị tăng 0,58%, khu vực nông thôn tăng 0,47%.

Trong tháng, có 8 nhóm hàng hóa có chỉ số giá tăng, 2 nhóm có chỉ số giá giảm và 1 nhóm có chỉ số ổn định giá: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,79%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,35%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,24%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,33%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,04%; nhóm giao thông tăng 1,56%; nhóm giáo dục tăng 0,2%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,21%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,16%; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,23%; nhóm bưu chính viễn thông ổn định. Tình hình tăng, giảm cụ thể cho từng nhóm như sau:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,79% so với tháng trước, trong đó: Lương thực tăng 0,44%, cụ thể: giá gạo tăng 0,35%, gạo tẻ thường tăng 0,36%, gạo tẻ ngon tăng 0,20%; gạo nếp tăng 0,21%; nhóm lương thực chế biến tăng 0,27%. Nhóm thực phẩm tăng 0,88%, nguyên nhân giá lợn hơi và gia cầm trong tháng tăng so với tháng trước nên giá bán các loại thịt gia súc, gia cầm tăng theo, trong đó: Nhóm thịt gia súc tươi sống chỉ số tăng 2,73%; nhóm thịt gia cầm tươi sống tăng 3,60%; nhóm trứng các loại tăng 1,78%, do nguồn cung có hạn, nhu cầu tăng cao; nhóm thủy sản tươi sống tăng 2,61%; nhóm thủy sản chế biến tăng 1,49%; nhóm hàng rau tươi, rau khô các loại giảm 7,54%, do vào mùa thu hoạch, thời tiết thuận lợi, năng suất, sản lượng thu hoạch cao nên giá bán các loại rau tươi ở các chợ đang giảm hơn so với tháng trước; nhóm quả tươi và chế biến tăng 2,91%; nhóm bánh mứt, kẹo tăng 0,17%, do các mặt hàng bánh, kẹo, mứt các loại nhu cầu tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán.

Nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 0,68% so với tháng trước. Trong đó ăn ngoài gia đình tăng 0,79%, uống ngoài gia đình tăng 0,37% do nhu cầu ăn uống bên ngoài phát sinh tăng cao trong các ngày cuối năm.

Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,35% so với tháng chủ yếu tăng giá các loại rượu, bia lon dùng làm quà biếu tết.

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,24%, do cuối năm nhu cầu mua sắm trang phục tăng cao để chuẩn bị đón tết Quý Mão năm 2023.

Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,23% so tháng trước, do nhu cầu sửa chữa nhà và các công trình tạm ngưng để đón tết nên giá vật

liệu có chiều hướng giảm, nhóm nước sinh hoạt ổn định, nhóm điện và dịch vụ điện giảm 0,23%, do nhu cầu sử dụng điện làm mát giảm; nhóm gas và các loại chất đốt khác giảm 4,08% so tháng trước do giá các loại chất đốt trên thị trường thế giới giảm. Cụ thể giá gas giảm 5,37%, trong tháng giá gas giảm 22.400 đ/bình 12 kg vào ngày 01/01/2023; nhóm điện và dịch vụ điện giảm 0,23%; dầu hỏa giảm 2,09% so với tháng trước, cụ thể giá dầu hỏa điều chỉnh trong tháng giảm 638 đồng/lít.

Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,33% chủ yếu tăng giá một số loại dụng cụ gia đình như chén, đĩa, bát, và giá tủ gỗ các loại nhu cầu mua sắm các vật dụng trong nhà để chuẩn bị đón năm mới.

Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,04% chủ yếu tăng giá ở nhóm thuốc uống các loại bệnh đường hô hấp, thuốc trị tiêu hóa do thời tiết khí hậu chuyển mùa dễ mắc bệnh cảm cúm, bệnh tiêu chảy ở trẻ em và người lớn....

Nhóm giao thông tăng 1,56% so tháng trước, nguyên nhân chính do giá xăng, dầu trong tháng được điều chỉnh tăng so tháng trước: Giá nhiên liệu tăng 1,82%, cụ thể: Giá xăng, dầu trong tháng 01/2023 so với tháng 12/2022: xăng A95 tăng 162 đồng/lít, xăng A92 tăng 431 đồng/ lít, dầu DO giảm 498 đồng/lít.

Nhóm bưu chính viễn thông trong tháng ổn định

Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 0,02%, chủ yếu giá tăng ở nhóm văn phòng phẩm.

Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,16% so với tháng trước, tăng chủ yếu ở nhóm giá ở mặt hàng hoa kiểng, loại các cây kiểng bonsai chuẩn bị trang trí trong nhà để đón tết Nguyên đán.

Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,21% so với tháng trước, Trong đó: ở các nhóm hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho cá nhân tăng 0,21%, chủ yếu nhóm dịch vụ gội đầu, dịch vụ làm móng do nhu cầu làm đẹp phát sinh tăng trong các tháng cuối năm, giá đồ trang sức tăng 0,67%, dịch vụ về hiệu, hỉ tăng 2,08% so tháng trước.

Chỉ số giá đô la Mỹ trên địa bàn trong tháng giảm 2,11% so với tháng trước, giá đô la Mỹ trong tháng biến động tăng theo giá USD trên thế giới.

Giá vàng trong tháng biến động tăng 0,56%, so tháng trước do ảnh hưởng giá vàng trong nước và thế giới tăng.

## **V. VẬN TÀI**

Trong tháng 01/2023 trùng vào dịp Tết Nguyên đán nên lượng xe lưu thông tăng cao so với tháng trước, đội Cảnh sát giao thông (CSGT) tinh tiếp tục công tác tuần tra trên địa bàn, kiểm soát giao thông tại một điểm và lưu động trên tất cả các

tuyến giao thông đường bộ trong phạm vi toàn tỉnh. Lực lượng giao thông thường xuyên kiểm tra tuyến đường liên tỉnh, lượng xe, và người dân vào dịp lễ kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm hành vi vi phạm của người điều khiển xe. Bên cạnh công tác trọng tâm hiện nay tổ công tác còn tiếp tục thực hiện quan sát về hiện trạng người điều khiển xe có sử dụng chất ma túy, nồng độ cồn và chất kích thích khác để đưa ra các biện pháp phòng ngừa phù hợp, mang tính bền vững, góp phần giữ vững an ninh trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn toàn tỉnh. Đồng thời, lực lượng CSGT tiếp tục duy trì xử lý nguội các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự ATGT qua hệ thống giám sát camera an ninh, đẩy nhanh tiến độ lắp đặt camera giám sát giao thông trên một số tuyến đường trọng điểm.

Doanh thu hoạt động vận tải ước tháng 01/2023 đạt 241,95 tỷ đồng, tăng 24,14% so với thực hiện cùng kỳ năm trước, trong đó: doanh thu vận tải hành khách ước đạt 110,08 tỉ đồng; doanh thu vận tải hàng hoá đạt 96,97 tỷ đồng; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 34,74 tỉ đồng; doanh thu bưu chính chuyên phát đạt 168 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước doanh thu vận tải hành khách tăng 11,27%; doanh thu vận tải hàng hoá tăng 31,06%; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng 58,04%.

Vận chuyên hành khách ước thực hiện tháng 01/2023 đạt 900 nghìn hành khách tăng 3,01% so với cùng kỳ năm trước; chia ra: đường bộ đạt 460 nghìn hành khách, tăng 1,32%; đường thủy nội địa đạt 440 nghìn hành khách, tăng 4,84%. Luân chuyển hành khách ước thực hiện tháng 01/2023 đạt 60,69 triệu hành khách.km, tăng 1,10% so với cùng kỳ năm trước, chia ra: đường bộ đạt 59,71 triệu hành khách.km; tăng 0,52%; đường thủy nội địa đạt 0,98 triệu hành khách.km, tăng 56,48%.

Khối lượng vận tải hàng hóa ước thực hiện tháng 01/2023 đạt 675 nghìn tấn, tăng 24,54% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó: Khối lượng vận tải hàng hóa đường bộ đạt 282 nghìn tấn, tăng 23,68%; đường thủy nội địa 365 nghìn tấn, tăng 16,24%. Luân chuyển hàng hóa ước thực hiện tháng 01/2023 đạt 103,86 triệu tấn.km tăng 10,14% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: đường bộ đạt 38,90 triệu tấn.km; đường thủy nội địa đạt 63,59 triệu tấn.km.

## **VI. BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

Sản lượng dịch vụ thư trong tháng là 21.042 thư, 108.132 gói, kiện hàng hóa, tổng doanh thu dịch vụ bưu chính ước 6,3 tỷ đồng. Tổng số thuê bao điện thoại hiện có là 1.594.506 thuê bao, trong đó số thuê bao cố định là 20.944 thuê bao.

Tổng số thuê internet toàn tỉnh hiện có 1.123.044 thuê bao. Tổng doanh thu hoạt động viễn thông 150,9 tỷ đồng.

## **VII. KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Trong tháng các ngành chức năng đã tổ chức, bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho các đơn vị triển khai ứng dụng vào thực tiễn trong năm 2023. Quản lý và triển khai 02 chương trình và 49 nhiệm vụ, trong đó đã nghiệm thu 02 nhiệm vụ. Thực hiện thành công các mô hình nuôi tôm càng xanh thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng ở địa phương Thạnh Phú. Chuyển giao quy trình kỹ thuật cho cho 60 nông dân và cán bộ tại 3 xã Mỹ An, Thới Thạnh và Mỹ Hưng thông qua các buổi hội thảo, tập huấn. Xây dựng được 03 quy trình nuôi tương ứng với 03 mô hình thử nghiệm: Quy trình nuôi tôm càng xanh trong vườn dừa, quy trình nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa, quy trình nuôi tôm càng xanh bán thâm canh. Xây dựng quy trình sản xuất cua giống nhân tạo tại Bến Tre; quy trình nuôi thương phẩm cua biển trong ao đất theo hình thức nuôi đơn và nuôi ghép với tôm sú. Đào tạo kỹ thuật sản xuất nhân tạo giống cua biển cho 10 học viên là kỹ thuật viên của các trại sản xuất giống, tập huấn kỹ thuật nuôi thương phẩm cua biển trong ao đất theo hình thức nuôi đơn và nuôi ghép với tôm sú cho 90 học viên là nông dân trên địa bàn 3 huyện ven biển của tỉnh Bến Tre.

## **VIII. CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

### **1. Đời sống dân cư**

Nhìn chung đời sống của dân cư trên địa bàn tỉnh vẫn cơ bản đã được cải thiện so với cùng kỳ năm trước, toàn tỉnh không có trường hợp thiếu đói. Các ngành các cấp đã lãnh, chỉ đạo tập trung cho các công việc khởi đầu một năm mới với sự phấn khởi, vui tươi ấm áp nghĩa tình tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy các ngành địa phương và nhân dân tỉnh nhà có khí thế tiến công, bước vào năm năm mới với tâm thế mới, với quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, ổn định xã hội. Không khí xuân mới Quý Mão 2023 đã hiện hữu trên các con đường, tuyến phố. Nhà nhà cắt tỉa hoa kiểng, trang trí nhà cửa, đường sá được chỉnh trang, hệ thống chiếu sáng, đèn trang trí được lắp đặt như tô điểm thêm vẻ yêu kiều cho mùa xuân. Hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân cũng đang được tổ chức náo nhiệt, tạo nên sinh khí hồ hởi trong Nhân dân. Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông cũng đặc biệt được chú trọng, các ngành các cấp đã ban hành kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện, nhất là tổ chức đợt cao điểm đảm bảo trật tự an toàn trước Tết, trong đó tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền; tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm; có phương án giải toả hành khách tập trung

đông đúc, gây ùn tắc các tuyến đường giao thông trọng yếu và chỉnh trang kết cấu hạ tầng giao thông, các hệ thống báo hiệu,..

Về tình hình cung, cầu hàng hóa và giá cả thị trường: Hiện nay, các các mặt hàng phục vụ nhu cầu tiêu dùng thiết yếu khá ổn định, không có biến động lớn, các doanh nghiệp phân phối trên địa bàn tỉnh đã có kế hoạch dự trữ hàng phục vụ tết, đảm bảo phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân; không xảy ra hiện tượng đầu cơ, găm hàng hoặc mua gom hàng hóa để tích trữ. Hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, nhà phân phối tập trung chuẩn bị hàng hóa bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường dịp Tết Nguyên đán năm 2023. Triển khai các giải pháp đảm bảo nguồn cung xăng, dầu cho thị trường dịp cuối năm và Tết Nguyên đán. Giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng để góp phần đảm bảo ổn định thị trường phục vụ cho Nhân dân.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong dịp Tết, được UBND tỉnh chỉ đạo ngành chức năng yêu cầu các cơ sở khám chữa bệnh duy trì chế độ trực, tăng cường dự trữ thuốc, dịch và các phương tiện liên quan, đảm bảo kịp thời đầy đủ trong công tác khám, điều trị và chăm sóc bệnh nhân trong thời gian trước trong và sau tết. Mặt khác, ngành y tế tăng cường công tác tuyên truyền phòng chống các bệnh truyền nhiễm có thể xảy ra trong dịp tết như: tiêu chảy cấp, tay chân miệng, sốt xuất huyết, đặc biệt là COVID-19...và theo dõi chặt chẽ tình hình bệnh truyền nhiễm thông qua tăng cường kiểm tra công tác phòng, chống dịch bệnh trong dịp tết tại các huyện và xã. Trong đó, chú trọng công tác chuẩn bị, sẵn sàng các phương tiện, dụng cụ để điều tra, xử lý khi có ngộ độc thực phẩm xảy ra. Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm được các ngành, các cấp tập trung triển khai thực hiện tốt, không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm trên địa bàn trong dịp Tết.

## **2. Giáo dục, đào tạo**

Trong tháng Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổng hợp danh sách, hồ sơ, tham mưu chuẩn bị các nội dung việc xét chọn Danh hiệu nhà giáo ưu tú lần thứ 16 (năm 2023); phối hợp Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tổ chức lễ phát động trồng cây xanh trồng trường học năm học 2022-2023; tiếp tục bồi dưỡng học sinh trong đội tuyển học sinh giỏi lớp 12 của tỉnh; triển khai công tác thanh tra theo kế hoạch; vận hành Trung tâm Điều hành thông minh IOC ngành GD&ĐT; hoàn thành việc tổ chức Hội thi giáo viên làm Tổng phụ trách Đội giỏi cấp tỉnh; tổ chức bồi dưỡng giáo viên các mô đun Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; tổ chức Ngày Hội trải nghiệm sáng tạo STEM năm 2022; tham gia Hội thao Giáo dục quốc phòng

toàn quốc dành cho học sinh THPT; tổ chức kiểm tra công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của các huyện, thành phố năm 2022... Các cơ sở giáo dục hoàn thành tổ chức kiểm tra cuối học kỳ I năm học 2022-2023; triển khai các nhiệm vụ học kỳ II năm học 2022-2023.

Nhìn chung, các nhiệm vụ trong tháng qua được tập trung triển khai thực hiện; công tác tham mưu, phối hợp, chỉ đạo các hoạt động giáo dục trong ngành được quan tâm; công tác bảo vệ chính trị, an ninh cơ quan, trường học trong dịp nghỉ lễ được bảo đảm; tổ chức thực hiện nghiêm các quy định phòng, chống dịch COVID-19; hoàn thành các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra, chất lượng giáo dục các cấp học tiếp tục được duy trì và giữ vững.

### **3. Hoạt động y tế**

Trong tháng bệnh thủy đậu, quai bị, chân tay miệng vẫn tiếp tục xảy ra rải rác tại một số địa phương. Bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng có xu hướng giảm so tháng trước. Cụ thể một số bệnh như sau:

*Sốt xuất huyết (SXH):* Ghi nhận 54 ca mắc tại 9 huyện/thành phố, trong đó có 01 ca SXH nặng, không có ca tử vong. So với tháng trước số mắc giảm 50 ca, SXH nặng giảm 02 ca. So với tháng 01 năm 2022 số mắc tăng 51 ca, SXH nặng tăng 01 ca.

*Hội chứng chân tay miệng:* Ghi nhận 141 ca mắc tại 9 huyện/thành phố, không có ca tử vong. So với tháng trước số mắc giảm 81 ca. So với tháng 01 năm 2022 số mắc tăng 140 ca.

*Thủy đậu:* Trong tháng ghi nhận 09 ca mắc tại 4 huyện tương đương so tháng tháng trước, so cùng kỳ tăng 08 ca.

*Quai bị:* Ghi nhận 07 ca mắc tại 3 huyện, so tháng tháng trước tăng 03 ca, so tháng 01 năm 2022 tăng 04 ca.

*Thương hàn:* Ghi nhận 02 ca mắc tại huyện Chợ Lách. So tháng trước số mắc tương ứng; so tháng 01 năm 2022 tăng 02 ca.

*COVID-19:* Tính từ ngày 30/01/2020 đến ngày 14/01/2023, toàn tỉnh đã ghi nhận 99.092 ca; tổng số ca khỏi bệnh là 98.587 ca, số ca tử vong là 505 ca.

*Hoạt động y tế dự phòng:* Tập huấn hướng dẫn xử lý và bảo quản nước sạch tại hộ gia đình (10 lớp/400 học viên). Truyền thông cộng đồng vắc xin EV71 tại các phường thuộc thành phố Bến Tre và các xã thuộc huyện Châu Thành, thu tuyển đối tượng tham gia nghiên cứu vắc xin EV71 tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu. Tiếp tục triển khai tiêm vaccin phòng COVID-19 trên địa bàn các huyện/thành

phổ. Tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trong trạng thái “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”.

- *Tiêm chủng mở rộng*: Tập huấn an toàn tiêm chủng cho cán bộ y tế tại huyện Bình Đại; giám sát công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19 và tiêm chủng mở rộng tại các huyện/thành phố. Số trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin tính từ đầu năm đến tháng 12 năm 2022 đạt tỷ lệ 86,79% so kế hoạch năm.

- *Phòng chống bệnh Phong – Da liễu*: Số bệnh nhân được quản lý phong toàn tỉnh là 93.

- *Phòng chống SXH*: Giám sát công tác chống dịch SXH tại các huyện/thành phố.

Tình hình ngộ độc thực phẩm: Trong tháng ghi nhận 01 vụ ngộ độc thực phẩm, gồm 01 người mắc và đã tử vong do ăn phải con so biển.

*Chăm sóc sức khỏe sinh sản*: Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai 4 lần trở lên/tổng số phụ nữ sinh con đạt 97,24%. Tỷ lệ phụ nữ sinh con được cán bộ y tế hỗ trợ đạt 99,88%. Tổng số lượt khám phụ khoa là 9.091 lượt, trong đó tỷ lệ điều trị phụ khoa là 18,45%. Tai biến sản khoa, xảy ra 14 trường hợp băng huyết sau sinh tại và 01 trường hợp băng huyết sau phá thai tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu.

*Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em*: Số trẻ sơ sinh đủ cân từ 2.500g trở lên/tổng số trẻ sơ sinh được cân đạt 96,21%.

*Tình hình nhiễm HIV/AIDS*: Trong tháng phát hiện 46 ca nhiễm HIV, 44 ca chuyển AIDS, và 05 ca tử vong. Lũy kế từ năm 1993 đến nay: số nhiễm HIV là 5.355 ca, chuyển AIDS 2.162 ca, tử vong 1.379 ca.

*Công tác khám chữa bệnh*: Tại các bệnh viện tuyến tỉnh có tổng số lần khám bệnh, số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú và nội trú, lượt bệnh nhân vào viện giảm nhưng số lượt bệnh nhân chuyển viện, tử vong tăng. Tại Trung tâm y tế huyện có tổng số lần khám bệnh, số lượt bệnh nhân điều trị nội trú, số lượt bệnh nhân vào viện tăng; số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú, nội trú, số lượt bệnh nhân chuyển viện giảm, tử vong tiếp tục không xảy ra. Trong tháng ghi nhận 19 ca tử vong: Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu 16 ca (trong đó có 08 ca tai nạn giao thông, 04 ca bệnh COVID-19), Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh 02 ca ( trong đó có 01 ca COVID-19), Bệnh viện tâm thần 01 ca.

#### **4. Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao**

Trong tháng, Ngành chức năng đã tổ chức tuyên truyền kỷ niệm 63 năm ngày Bến Tre Đồng Khởi (17/01/1960 – 17/01/2023) và Lễ tôn vinh và trao tặng

danh hiệu “Công dân Đồng Khởi tiêu biểu” và “Công dân Đồng Khởi danh dự” lần thứ ba năm 2023; Mừng Đảng, mừng Xuân Quý Mão năm 2023.

*Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc:* Tiếp tục khảo sát di sản văn hóa phi vật thể Nói thơ Vân Tiên và truyện kể dân gian về cạp. Bảo tàng, các di tích, trạm vệ tinh ngân hàng dữ liệu mở cửa phục vụ 12.756 lượt khách tham quan. Hoàn chỉnh nội dung trưng bày ảo Nguyễn Đình Chiểu - Cuộc đời và sự nghiệp; khảo sát trưng bày, chỉnh lý tại di tích Quốc gia đặc biệt Đồng Khởi. Thực hiện chương trình giáo dục trải nghiệm “Hành trình văn hóa” tại Trường THCS Vĩnh Phúc, Trường THPT Herman Gmeiner; chỉnh trang các di tích chuẩn bị phục vụ các đoàn khách đến tham quan, thắp hương trong dịp tết Nguyên đán năm 2023.

*Nghệ thuật biểu diễn:* Phối hợp các đơn vị: Đoàn Nghệ thuật Cải lương và Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Chợ Lách tổ chức Chương trình Hội ngộ Tài tử, Cải lương; Trường Cao đẳng Bến Tre tổ chức đêm sinh hoạt chuyên đề Người tốt việc tốt Quý IV năm với số tiền vận động 74.629.000 đồng. Phối hợp tổ chức các hoạt động biểu diễn, chiếu bóng phục vụ (08 cuộc) và tổ chức hoạt động thi, liên hoan.

*Đoàn Nghệ thuật Cải lương Bến Tre:* Tổ chức biểu diễn phục vụ nhân dân huyện Tân Biên (tỉnh Tây Ninh); chuẩn bị chương trình nghệ thuật xuân Quý Mão 2023. Phối hợp với đài Truyền hình Bến Tre ghi hình 03 bài ca cổ chủ đề mùa xuân; Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tổ chức chương trình Hội ngộ tài tử Cải lương tại xã Phú Đức (huyện Châu Thành); Ủy ban nhân dân xã Thới Thuận (huyện Bình Đại) tổ chức chương trình văn nghệ mừng Đảng mừng Xuân gây quỹ khuyến học “Nâng bước em đến trường” với số tiền 42 triệu đồng.

*Thư viện Nguyễn Đình Chiểu tỉnh Bến Tre:* Số hóa tài liệu địa chí, giới thiệu sách: “Xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, “Biên cương nơi anh ngã xuống”, “Người thông minh học tập như thế nào”; phục vụ trưng bày, triển lãm, xếp sách nghệ thuật tại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Công an tỉnh. Thực hiện trưng bày, triển lãm phục vụ Không gian văn hoá đọc “Việt - Hàn, kết nối từng trang sách”; Tổng kết, trao giải Cuộc thi “Viết cảm nhận Sách” tỉnh Bến Tre lần thứ II năm 2022 và Chương trình biểu diễn nghệ thuật Chào mừng Năm mới với chủ đề “Xuân Khát Vọng 2023”

*Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa:* Tổ chức tổng kết, phát giải cuộc thi sáng tác tiểu phẩm chủ đề “Giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa ứng xử tốt đẹp trong gia đình”, tìm hiểu Nghị quyết số 05/NQ-TU của Tỉnh ủy.



Tham mưu báo cáo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2022 và dự thảo kế hoạch hoạt động năm 2023.

### **5. Lao động, việc làm**

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với Công ty TNHH Ê Su Hai tổ chức lễ xuất cảnh đưa người lao động của tỉnh Bến Tre đi làm việc tại Nhật Bản. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức truyền thông khởi nghiệp và tư vấn việc làm, học nghề, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho bộ đội xuất ngũ tại 07 huyện và thành phố Bến Tre và kiểm tra, giám sát công tác cho vay vốn Quỹ quốc gia về việc làm năm 2022 tại các huyện Bình Đại, Thạnh Phú, Mỏ Cà Ná, Châu Thành, Ba Tri, Giồng Trôm. Tư vấn việc làm, nghề nghiệp cho 292 lượt người, tổ chức 04 phiên giao dịch việc làm vào ngày thứ sáu hàng tuần với mô hình cafe việc làm, qua đó có 131 lao động có việc làm mới. Trong tháng có 492 người nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp (trong tỉnh 345 người, ngoài tỉnh 147 người), số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp là 615 người (trong tỉnh 409 người, ngoài tỉnh 206 người).

Kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại các huyện Bình Đại, Châu Thành, Giồng Trôm, Ba Tri, Thạnh Phú. Kiểm tra tình hình sử dụng trang thiết bị của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện huyện Bình Đại, Châu Thành, Giồng Trôm, Ba Tri, Thạnh Phú. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trình thẩm định đơn giá áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm theo Định mức kinh tế kỹ thuật.

### **6. Chính sách đối với người có công**

Trong tháng Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết kịp thời 228 hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ chính sách đối với người có công. Phối hợp với Trung tâm giám định Y khoa tỉnh và các cơ quan liên quan xử lý sau kết luận của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại các huyện, thành phố. Chuẩn bị 190 phần quà để lãnh đạo tỉnh thăm, chúc tết gia đình chính sách khó khăn nhân dịp tết Nguyên đán 2023. Phối hợp với công ty TNHH Sài Gòn - Bến Tre đến thăm, chúc tết Mẹ Việt Nam anh hùng do công ty phụng dưỡng tại huyện Giồng Trôm, Ba Tri, đồng thời chuyển quà Tết cho các Mẹ do công ty phụng dưỡng tại các huyện Mỏ Cà Ná, Mỏ Cà Bắc, Thạnh Phú, Châu Thành. Phối hợp các ngành thống nhất nội dung hướng dẫn miễn giảm tiền sử dụng đất cho người có công với cách mạng.

## **7. Bảo trợ xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội**

Phối hợp với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh thăm tặng quà Tết cho 1.500 hộ nghèo tại các huyện, thành phố (600 ngàn đồng/phần quà). Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2022. Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 24/2021/QH15 của Quốc hội. Xây dựng Kế hoạch, tổ chức các đoàn đi thăm và trao Thiệp mừng thọ của Chủ tịch nước cho đại diện 25/89 công dân tròn 100 tuổi nhân dịp Tết nguyên đán 2023. Tổ chức 05 lớp tập huấn kỹ năng cho nhân viên công tác xã hội, hộ gia đình có người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí. Đề nghị Sở Tài chính cho ý kiến về mức hỗ trợ, kinh phí thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bến Tre.

## **8. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới**

Lấy ý kiến các sở, ngành tỉnh đối với dự thảo kế hoạch liên ngành phòng chống đuối nước trẻ em giai đoạn 2022 - 2030. Báo cáo kết quả thực hiện quyền trẻ em và các vấn đề liên quan đến trẻ em năm 2022 và báo cáo công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ năm 2022. Thẩm định đề nghị công nhận tiêu chí 18.5 đối với xã Đa Phước Hội, Tân Hội, Thành Thới A (huyện Mỹ Xuyên). Đề nghị tổ chức Đông Nam Á xây mái ấm tình thương cho 03 trẻ em mồ côi tại xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri. Xin chủ trương Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp, làm việc với tổ chức Đông Nam Á đến trao quà cho trẻ em trong chương trình và tiếp tục khảo sát các trường hợp mới tại các huyện Ba Tri, Giồng Trôm, Bình Đại. Phối hợp với Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo tỉnh tổ chức tặng quà Tết năm 2023 cho 110 trẻ em mồ côi do COVID-19 tại các huyện, thành phố (quà và tiền mặt, tổng trị giá 85.800.000 đồng).

## **9. Tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội**

Thực hiện tinh thần chỉ đạo của Giám đốc Công an tỉnh tại buổi Lễ ra quân tấn công, trấn áp các loại tội phạm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông dịp Nguyên đán Quý Mão và các lễ hội năm 2023. Công an các đơn vị, địa phương tập trung làm tốt vai trò nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở về chủ trương mở đợt cao điểm lần này, để lãnh đạo, chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, địa phương và cơ sở tích cực phối hợp lực lượng Công an trong công tác bảo đảm an ninh trật tự. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng chống tội phạm, nhất là tuyên truyền, cảnh báo về phương thức, thủ đoạn

hoạt động của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp. Góp phần nâng cao ý thức tự phòng, tự quản, tự bảo vệ của nhân dân, tích cực tham gia tố giác tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội; phát động mạnh mẽ phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn cơ sở và trong từng hộ gia đình, khu dân cư. Huy động tối đa lực lượng, khai thác sử dụng có hiệu quả các loại phương tiện, thiết bị nghiệp vụ phục vụ có hiệu quả cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm.

Theo nguồn số liệu từ Công an tỉnh, một số tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trong tháng báo cáo trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau:

*Phạm pháp hình sự:* xảy ra 45 vụ, làm chết 03 người và bị thương 04 người, tài sản thiệt hại là 84 triệu đồng; so với tháng trước giảm 39 vụ, tăng 02 người chết và giảm 06 người bị thương.

*Tai nạn giao thông đường bộ (bao gồm cả các vụ va chạm giao thông):* trong tháng xảy ra 16 vụ làm chết 14 người, bị thương 03 người. So với tháng qua, số vụ tương đương, số người chết giảm 02 người và số người bị thương tương đương; so với cùng kỳ năm trước, giảm 01 vụ, giảm 01 người chết và giảm 02 người bị thương. Các lỗi khá phổ biến dẫn đến tai nạn giao thông đường bộ là do người tham gia giao thông đi không đúng phần đường quy định, tránh vượt không đúng quy định, không làm chủ tay lái, thiếu quan sát,...

+ *Tai nạn giao thông thủy:* trong tháng không xảy ra.

+ *Cháy, nổ:* trong tháng không xảy ra

+ *Tai nạn khác:* xảy ra 02 vụ đuối nước làm chết 03 người.

*Thiên tai:* Trong tháng không xảy ra.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế-xã hội tỉnh Bến Tre tháng 1 năm 2023 của Cục Thống kê tỉnh Bến Tre./.

**Nơi nhận:**

- Vụ TKTH, TCTK;
- Lãnh đạo CTK;
- TU, UBND, HĐND tỉnh;
- Các cơ quan TH;
- Lưu: VT, TH.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Lê Minh Quang**

**tæng cõc thềng k<sup>a</sup>**  
**CỤC THÔNG KÊ TỈNH BẾN TRE**

**BIỂU SỐ LIỆU**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**  
**THÁNG 01 NĂM 2023**

**Bến Tre 01 - 2023**

## 1. SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐẾN NGÀY 15/01/2023

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Diện tích gieo cấy lúa (Ha)</b>			
Lúa vụ mùa	5.005	5.160	103,10
Lúa đông xuân	822	1.342	163,26
<b>Diện tích gieo trồng các loại cây khác (Ha)</b>			
Ngô	46	42	91,30
Rau các loại	420	410	97,62
Mía	3		
Cây dứa	73.991	77.232	104,38
Cây ăn quả	26.164	25.478	97,38
<b>Sản lượng thu hoạch các loại cây trồng (Tấn)</b>			
<b>Lúa</b>			
Lúa vụ mùa	20.390	21.223	104,09
<b>Cây trồng khác</b>			
Ngô	31	28	90,32
Rau các loại	8.012	8.358	104,32
Mía	242		-
Cây dứa	56.930	55.846	98,10
Cây ăn quả	23.812	24.326	102,16

## 2. CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

	Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp tháng 01/2023 (%)	
	So với tháng trước	So với cùng kỳ năm trước
<b>Chỉ số sản xuất công nghiệp</b>	<b>94,60</b>	<b>95,04</b>
<i>Phân theo ngành kinh tế:</i>		
<b><i>Khai khoáng</i></b>	<b>98,28</b>	<b>94,52</b>
<b><i>Công nghiệp chế biến, chế tạo</i></b>	<b>94,18</b>	<b>94,89</b>
Sản xuất chế biến thực phẩm	94,40	90,30
Sản xuất đồ uống	82,18	98,46
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	89,92	104,42
Dệt	98,89	149,21
Sản xuất trang phục	92,27	110,49
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	100,10	90,70
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	100,04	91,25
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	97,37	96,23
In, sao chép bản ghi các loại	95,22	99,88
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	80,49	106,45
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	85,57	98,29
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	96,39	86,54
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	100,69	90,29
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	97,36	97,36
Sản xuất thiết bị điện	97,75	100,14
Sản xuất xe có động cơ	93,40	84,24
Sản xuất phương tiện vận tải khác	99,30	93,53
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	97,94	94,16
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	98,21	95,23
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	99,07	96,36
<b><i>Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí</i></b>	<b>101,61</b>	<b>96,72</b>
<b><i>Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải</i></b>	<b>100,20</b>	<b>99,18</b>
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	100,38	99,38
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	99,19	98,05

### 3. SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

Tên Sản phẩm	ĐVT	Tháng 12/2022	Ước tháng 01/2023	Ước thực hiện tháng 01/2023 so với cùng kỳ năm trước (%)
Cát đen	M3	6.868	6.600	589,29
Phi lê cá và các loại thịt cá khác tươi, ướp lạnh	Tấn	3.203	3.032	100,58
Cơm dừa	Tấn	3.714	3.389	97,99
Thức ăn cho thủy sản	Tấn	7.607	7.079	77,88
Bia đóng chai	1000 lít	24.565	22.825	104,79
Bia lon	1000 lít	5.946	4.694	95,06
Nước tinh khiết	1000 lít	85	79	72,34
Nước có vị hoa quả (cam, táo,...)	1000 lít	42	30	214,29
Thuốc lá có đầu lọc	1000 bao	21.130	19.000	104,42
Xơ dừa	Tấn	2.234	2.212	94,52
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	4.218	3.938	73,29
Bộ quần áo thể thao	1000 cái	2.101	1.924	122,99
Túi xách	1000 cái	521	518	97,75
Giày, dép không thấm nước có đế ngoài và mũ băng cao su hay plastic	1000 đôi	164	165	85,05
Dịch vụ sản xuất gỗ và lie (trừ đồ đạc trong nhà), rom và các vật liệu tết bện; dịch vụ sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; các sản phẩm từ lie, rom và các vật liệu tết bện khác	Triệu đồng	2.856	2.980	67,69
Giấy và bìa khác (Giấy than, giấy kếp, giấy duplex,...khổ lớn)	Tấn	27.162	26.500	100,68
Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	1000 chiếc	2.886	2.747	63,95
Sản phẩm in khác (quy khổ 13cmx19cm)	Triệu trang	209	198	90,43
Dịch vụ phụ thuộc liên quan đến in	Triệu đồng	6.523	6.147	102,47
Các bon hoạt tính	Tấn	985	990	92,18
Thuốc chứa penixilin hoặc kháng sinh khác dạng viên	Triệu viên	41	33	106,45
Bao bì đóng gói khác bằng plastic	Tấn	600	510	98,65
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M3	2.757	2.500	75,67
Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ	1000 bộ	550	513	84,24
Điện gió	Triệu KWh	8	9	99,24
Điện thương phẩm	Triệu KWh	170	167	100,60
Nước đá	Tấn	10.985	10.890	81,54
Nước máy	1000 m3	2.038	2.045	99,39
Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại không thể tái chế	Triệu đồng	2.006	1.995	98,36

#### 4. THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện tháng 12/2022	Ước thực hiện tháng 01/2023	Ước thực hiện tháng 01/2023 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>5.194.684</b>	<b>357.635</b>	<b>274.211</b>	<b>118,52</b>
<b>1. Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</b>	<b>4.869.032</b>	<b>324.604</b>	<b>250.204</b>	<b>118,70</b>
- Vốn cân đối ngân sách tỉnh	324.939	54.525	28.078	94,99
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>56.000</i>	<i>2.802</i>	<i>3.667</i>	<i>359,51</i>
- Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	2.363.606	64.752	69.967	194,63
- Vốn nước ngoài (ODA)	535.287	17.950	15.067	71,18
- Xổ số kiến thiết	1.640.000	186.750	136.657	110,43
- Vốn khác	5.200	627	435	117,25
<b>2. Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện (09=10+12+13)</b>	<b>315.737</b>	<b>32.255</b>	<b>23.296</b>	<b>117,43</b>
- Vốn cân đối ngân sách huyện	306.937	31.550	22.578	117,90
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>194.000</i>	<i>15.415</i>	<i>11.167</i>	<i>121,91</i>
- Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu				
- Vốn khác	8.800	705	718	104,36
<b>3. Vốn ngân sách nhà nước cấp xã</b>	<b>9.915</b>	<b>776</b>	<b>711</b>	<b>97,26</b>
- Vốn cân đối ngân sách xã				
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>				
- Vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu				
- Vốn khác	9.915	776	711	97,26



**5. DOANH THU BÁN LẺ HÀNG HÓA**

Đơn vị tính: Triệu đồng

	<b>Thực hiện tháng 12/2022</b>	<b>Ước tính tháng 01/2023</b>	<b>Ước tính tháng 01/2023 so với cùng kỳ năm trước (%)</b>
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>4.018.339</b>	<b>4.728.038</b>	<b>108,93</b>
<i>Phân theo nhóm hàng:</i>			
- Lương thực, thực phẩm	1.631.028	2.193.109	113,92
- Hàng may mặc	119.657	168.630	98,77
- Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình	300.625	324.892	105,73
- Vật phẩm, văn hoá, giáo dục	36.798	35.944	110,49
- Gỗ và vật liệu xây dựng	599.123	601.191	96,48
- Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	113.122	128.209	95,27
- Phương tiện đi lại, trừ ô tô con (kể cả phụ tùng)	193.219	216.650	96,05
- Xăng, dầu các loại	511.693	520.230	133,20
- Nhiên liệu khác (trừ xăng dầu)	26.827	27.015	120,80
- Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	285.698	291.661	103,68
- Hàng hoá khác	139.911	158.252	95,93
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	60.638	62.255	100,06

**6. DOANH THU DỊCH VỤ LƯU TRÚ, ĂN UỐNG, DU LỊCH LỮ HÀNH  
VÀ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG KHÁC**

	<b>Thực hiện tháng 12/2022</b>	<b>Ước tính tháng 01/2023</b>	<b>Tháng 01/2023 so với cùng kỳ năm trước</b>
<b>Dịch vụ lưu trú, ăn uống</b>	<b>462.450</b>	<b>503.440</b>	<b>98,49</b>
Dịch vụ lưu trú	15.001	14.313	114,66
Dịch vụ ăn uống	447.449	489.127	98,09
<b>Du lịch lữ hành</b>	<b>8.560</b>	<b>8.880</b>	<b>5.550,00</b>
<b>Dịch vụ tiêu dùng khác</b>	<b>408.390</b>	<b>417.811</b>	<b>113,65</b>

**7. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG**  
**CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ**

Đơn vị tính: %

	<b>Chỉ số giá tháng 01/2023 so với:</b>				<b>Chỉ số giá bình quân tháng 01/2023 so cùng kỳ năm trước</b>
	<b>Kỳ gốc</b>	<b>Cùng kỳ năm trước</b>	<b>Tháng 12 năm trước</b>	<b>Tháng trước</b>	
<b>A. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG</b>	<b>108,14</b>	<b>103,07</b>	<b>100,48</b>	<b>100,48</b>	<b>103,07</b>
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	110,57	103,62	100,79	100,79	103,62
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	106,72	99,68	100,44	100,44	99,68
Thực phẩm	110,42	103,59	100,88	100,88	103,59
Ăn uống ngoài gia đình	114,09	106,78	100,68	100,68	106,78
Đồ uống và thuốc lá	104,36	103,36	100,35	100,35	103,36
May mặc, giày dép và mũ nón	105,86	102,08	101,24	101,24	102,08
Nhà ở, chất đốt, vật liệu xây dựng	113,27	104,55	99,77	99,77	104,55
Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,44	101,56	100,33	100,33	101,56
Thuốc và dịch vụ y tế	102,62	100,60	100,04	100,04	100,60
Giao thông	106,87	100,02	101,56	101,56	100,02
Bưu chính viễn thông	99,26	100,88	100,00	100,00	100,88
Giáo dục	107,78	107,32	100,02	100,02	107,32
Văn hoá, giải trí và du lịch	100,53	101,34	99,84	99,84	101,34
Hàng hóa và dịch vụ khác	107,26	103,24	101,21	101,21	103,24
<b>B- Chỉ số giá vàng</b>	<b>137,21</b>	<b>101,83</b>	<b>100,56</b>	<b>100,56</b>	<b>101,83</b>
<b>C- Chỉ số giá đô la Mỹ</b>	<b>101,80</b>	<b>103,38</b>	<b>97,89</b>	<b>97,89</b>	<b>103,38</b>

**8. DOANH THU VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ**

Đơn vị tính: Triệu đồng

	<b>Tháng 12/2022</b>	<b>Ước tính tháng 01/2023</b>	<b>Ước tính tháng 01/2023 so với tháng trước (%)</b>	<b>Ước tính tháng 01/2023 so với cùng kỳ năm trước (%)</b>
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>243.891</b>	<b>241.952</b>	<b>99,20</b>	<b>124,14</b>
<b>Vận tải hành khách</b>	<b>115.355</b>	<b>110.075</b>	<b>95,42</b>	<b>111,27</b>
Đường bộ	113.267	108.063	95,41	111,31
Đường thủy nội địa	2.088	2.012	96,36	109,17
<b>Vận tải hàng hóa</b>	<b>93.671</b>	<b>96.968</b>	<b>103,52</b>	<b>131,06</b>
Đường bộ	50.094	51.914	103,63	129,60
Ven biển và viễn dương	314	315	100,22	
Đường thủy nội địa	43.263	44.739	103,41	131,85
<b>Dịch vụ hỗ trợ vận tải</b>	<b>34.710</b>	<b>34.741</b>	<b>100,09</b>	<b>158,04</b>
<b>Bưu chính, chuyển phát</b>	<b>155</b>	<b>168</b>	<b>108,39</b>	

## 9. VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊA PHƯƠNG

	Đơn vị tính	tháng 12/2022	Ước tính tháng 01/2023	Ước tính tháng 01/2023 so tháng trước (%)	Ước tính tháng 01/2023 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>A. VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH</b>	Nghìn Hk	<b>936</b>	<b>900</b>	<b>100,30</b>	<b>103,01</b>
<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>					
Nhà nước	Nghìn Hk				
Ngoài nhà nước	Nghìn Hk	936	900	96,09	103,18
Khu vực đầu tư nước ngoài	Nghìn Hk				
<i>Phân theo ngành vận tải</i>					
Đường bộ	Nghìn Hk	475	460	96,84	101,32
Đường thủy nội địa	Nghìn Hk	461	440	95,32	104,84
Đường biển	Nghìn Hk				
<b>B. LUÂN CHUYỂN HÀNH KHÁCH</b>	Triệu HK.km	<b>62,94</b>	<b>60,69</b>	<b>96,42</b>	<b>101,10</b>
<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>					
Nhà nước	Triệu HK.km				
Ngoài nhà nước	Triệu HK.km	62,94	60,69	96,42	101,10
Khu vực đầu tư nước ngoài	Triệu HK.km				
<i>Phân theo ngành vận tải</i>					
Đường bộ	Triệu HK.km	61,90	59,71	96,46	100,52
Đường thủy nội địa	Triệu HK.km	1,04	0,98	94,04	156,48

## 10. VẬN TẢI HÀNG HÓA ĐỊA PHƯƠNG

	Đơn vị tính	tháng 12/2022	Ước tính tháng 01/2023	Ước tính tháng 01/2023 so tháng trước (%)	Ước tính tháng 01/2023 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>A. VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA</b>	Nghìn tấn	<b>662</b>	<b>675</b>	<b>102,03</b>	<b>124,54</b>
<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>					
Nhà nước	Nghìn tấn				
Ngoài nhà nước	Nghìn tấn	662	675	102,03	124,54
Khu vực đầu tư nước ngoài	Nghìn tấn				
<i>Phân theo ngành vận tải</i>					
Đường bộ	Nghìn tấn	273	282	103,30	123,68
Ven biển và viễn dương	Nghìn tấn	28	28	101,45	
Đường thủy nội địa	Nghìn tấn	361	365	101,11	116,24
Đường biển	Nghìn tấn				
<b>B. LUÂN CHUYỂN HÀNG HÓA</b>	Triệu tấn.km	<b>102,05</b>	<b>103,86</b>	<b>101,78</b>	<b>110,14</b>
<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>					
Nhà nước	Triệu tấn.km				
Ngoài nhà nước	Triệu tấn.km	102,05	103,86	101,78	110,14
Khu vực đầu tư nước ngoài	Triệu tấn.km				
<i>Phân theo ngành vận tải</i>					
Đường bộ	Triệu tấn.km	37,80	38,90	102,92	78,17
Ven biển và viễn dương	Triệu tấn.km	1,38	1,38	99,35	
Đường thủy nội địa	Triệu tấn.km	62,86	63,59	101,15	142,77

## 11. TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

	Số bộ tháng báo cáo	Tháng báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tai nạn giao thông</b>			
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	16	100,00	94,12
Đường bộ	16	100,00	94,12
Đường sắt			
Đường thủy			
Số người chết (Người)	14	87,50	93,33
Đường bộ	14	87,50	93,33
Đường sắt			
Đường thủy			
Số người bị thương (Người)	3	100,00	60,00
Đường bộ	3	100,00	60,00
Đường sắt			
Đường thủy			
<b>Cháy, nổ</b>			
Số vụ cháy, nổ (Vụ)			
Số người chết (Người)			
Số người bị thương (Người)			
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)			